

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Bộ tiêu chí Thôn số, Thôn thông minh tạm thời**  
**trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

*Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia";*

*Căn cứ Kế hoạch hành động số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 49/TTr-SKHCN ngày 18/03/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu chí Thôn số, Thôn thông minh tạm thời, áp dụng đối với các thôn, tổ dân phố (gọi tắt là *cấp thôn*) trên địa bàn tỉnh Lào Cai với những nội dung tại Phụ lục kèm theo.

Bộ tiêu chí là căn cứ để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư, đồng thời đánh giá, xếp loại mức độ phát triển thôn số, thôn thông minh theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí.

- Tham mưu xây dựng hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, công nhận và kiểm tra kết quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo và đề xuất điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Chủ trì triển khai các nền tảng số, hạ tầng số dùng chung, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đánh giá và quản lý.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, công nhận Thôn thông minh.

2. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; lồng ghép nội dung chuyên đổi số cộng đồng vào các chương trình, đề án có liên quan, bảo đảm tránh trùng lặp, phân tán nguồn lực.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến Bộ tiêu chí; xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn các thôn, tổ dân phố thực hiện, tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và kết quả đánh giá trên địa bàn.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, công nhận Thôn số trên địa bàn các xã, phường.

### **Điều 3. Nguyên tắc và nguồn lực thực hiện**

Việc triển khai Bộ tiêu chí phải bảo đảm:

1. Phù hợp với đặc thù từng địa phương, không hình thức, không chạy theo thành tích, gắn với hiệu quả thực chất và khả năng duy trì bền vững.

2. Thực hiện trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt, nhất là chương trình chuyển đổi số và xây dựng nông thôn mới; khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

3. Không làm phát sinh nhiệm vụ chi ngoài dự toán ngân sách được giao; bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- BCĐ thực hiện NQ57 tỉnh;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Hạnh Phúc**

**PHỤ LỤC: BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ XẾP HẠNG THÔN SỐ, THÔN THÔNG MINH**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Thôn số mức cơ bản	Thôn số mức nâng cao	Thôn thông minh
<b>1</b>	<b>Hạ tầng số</b>			
1.1	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ sóng thông tin di động 4G trở lên	90%	100%	100%
1.2	Tỷ lệ khu dân cư có Internet băng rộng cố định	70%	85%	100%
1.3	Phương tiện tổ chức cuộc họp trực tuyến, kết nối trao đổi 2 chiều tại nhà văn hóa thôn	Có	Có	Có
1.4	Đài truyền thanh ứng dụng CNTT - VT hoạt động thường xuyên	Có	Có	Có
1.5	Tuyến cáp viễn thông trên các tuyến đường xây dựng mới được ngầm hóa	Có	Có	Có
1.6	Tỷ lệ khu dân cư có Camera giám sát an ninh tại các điểm giao thông công cộng.	50%	80%	100%
<b>2</b>	<b>Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý thôn</b>			
2.1	Họp trực tuyến tại Nhà Văn hóa thôn	Có	Có	Có
2.2	Thực hiện gửi nhận văn bản, tài liệu qua ứng dụng của cấp trên	Có	Có	Có
2.3	Sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thông báo, tuyên truyền, tiếp nhận ý kiến trong cộng đồng, khảo sát thu thập thông tin	Có	Có	Có
2.4	Các tổ chức trong thôn (chi bộ, chính quyền thôn, hội, ban,...) sử dụng các ứng dụng của cấp trên triển khai (Số tay đảng viên; EGOV...).	40%	70%	100%
2.5	Tỷ lệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến qua ứng dụng VNEID	40%	70%	100%
2.6	Sử dụng công cụ quản lý dữ liệu thông minh hỗ trợ hoạt động Thôn			Có
<b>3</b>	<b>Kinh tế số</b>			

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Thôn số mức cơ bản	Thôn số mức nâng cao	Thôn thông minh
3.1	Tỷ lệ hộ, cơ sở kinh doanh sử dụng dịch vụ thanh toán số	50%	80%	100%
3.2	Ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh ( <i>sử dụng nhóm Zalo chia sẻ kỹ thuật, nhật ký sản xuất điện tử, tem QR quản lý sản phẩm, hệ thống tưới tự động, quản lý bán hàng; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.</i> )	01 loại hình	03 loại hình	04 loại hình
3.3	Tỷ lệ hộ, cơ sở kinh doanh quảng bá sản phẩm trên nền tảng số qua mạng xã hội (Facebook, Zalo...), các sàn thương mại điện tử	30%	70%	90%
3.4	Có mô hình ứng dụng thông minh nâng cao đời sống xã hội ( <i>y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, giao thông, môi trường, các lĩnh vực khác...</i> )			Có
<b>4</b>	<b>Xã hội số</b>			
4.1	Số người đủ tuổi vị thành niên cài đặt, sử dụng các nền tảng dùng chung như: Người bản số; LaoCai-S ...	50%	70%	100%
4.2	Tỷ lệ người dân có định danh điện tử VNEID mức 2	80%	90%	100%
4.3	Tỷ lệ hộ gia đình được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng số cơ bản (Nộp hồ sơ trực tuyến, An toàn thông tin, Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), ...)	40%	70%	100%
4.4	Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	01 lần/Quý	01 lần/tháng	01 lần/tháng
4.5	Hàng năm tổ chức các đợt tuyên truyền cho người dân về an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng	Có	Có	Có
4.6	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ, tư vấn chăm sóc sức khỏe trực tuyến, hồ sơ sức khỏe, sổ khám sức khỏe điện tử	40%	70%	100%
4.7	Công dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng hoặc tài khoản giao dịch của các tổ chức được Nhà nước cấp phép hoạt động.	70%	80%	100%